

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 10-7-2024

“V/v tranh chấp về ly hôn và con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Thảo

2. Bà Bùi Thị Phương Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2024/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Thanh T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại: Nhà tạm giữ Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị V trình bày có nội dung:

Chị Hà Thị V và anh Bùi Thanh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/12/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng chị V, anh T có 02 con chung là cháu Bùi Thanh M, sinh ngày: 10/8/2007 và cháu Bùi Thị Ngọc Á, sinh ngày: 14/7/2010.

Vợ chồng chị V, anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không có phù hợp về quan điểm và lối sống; vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với nhau trong công việc và hạnh phúc chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

Về con chung: Khi ly hôn chị Hà Thị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu Bùi Thanh M và Bùi Thị Ngọc Á đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bùi Thanh T trình bày có nội dung:

Anh Bùi Thanh T và chị Hà Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/12/2008. Trong thời gian chung sống, do anh T thường xuyên đi làm ăn xa, chưa quan tâm, chăm sóc đầy đủ cho vợ con. Ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác đến mức phải ly hôn. Vì vậy, tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị V có 02 con chung là cháu Bùi Thanh M, sinh ngày: 10/8/2007 và cháu Bùi Thị Ngọc Á, sinh ngày: 14/7/2010. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh T là được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh T1 không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- *Về tố tụng*: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị V về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bùi Thanh T. Về con chung: Giao con chung cháu Bùi Thanh M, sinh ngày: 10/8/2007 và cháu Bùi Thị Ngọc Á, sinh ngày: 14/7/2010

cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bùi Thanh M và Bùi Thị Ngọc Á đủ tuổi thành niên. Anh Bùi Thanh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị V không yêu cầu anh Bùi Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Thanh T, do vậy, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Hà Thị V và anh Bùi Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau anh chị sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với nhau trong công việc và hạnh phúc. Vợ chồng chị V, anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không phù hợp về quan điểm và lối sống; có nhiều mâu thuẫn với nhau trong công việc và hạnh phúc chung của vợ chồng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

[2.2] Ý kiến của bị đơn anh Bùi Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng, anh không đồng ý ly hôn. Mặc dù anh T xác định trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác đến mức phải ly hôn, tuy nhiên anh T xác định do đi làm ăn xa, chưa quan tâm chăm sóc đầy đủ cho vợ con, anh T cũng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Quá trình chung sống thì chị V và anh T có xảy ra mâu thuẫn và do hiện nay anh T đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ công an huyện K nên không yêu cầu hòa giải ở địa phương mà chuyển đến Tòa án giải quyết. Nay chị V làm

đơn xin ly hôn với anh T thì địa phương cung cấp những thông tin như trên để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét về mâu thuẫn giữa chị V và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thanh M, sinh ngày: 10/8/2007 và cháu Bùi Thị Ngọc Á, sinh ngày: 14/7/2010. Quá trình giải quyết, chị V và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên hiện nay anh T đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ công an huyện K và xét nguyện vọng của các cháu được sống cùng với mẹ nên cần giao cháu Bùi Thanh M và Bùi Thị Ngọc Á cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị V.

Về hôn nhân: Chị Hà Thị V được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

Về con chung: Giao con chung cháu Bùi Thanh M, sinh ngày: 10/8/2007 và cháu Bùi Thị Ngọc Á, sinh ngày: 14/7/2010 cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bùi Thanh M và Bùi Thị Ngọc Á đủ tuổi thành niên.

Anh Bùi Thanh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị V không yêu cầu anh Bùi Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số AA/2023/0009708 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Đức